

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH THÍ KHÔNG TRÚNG ĐỢT XÉT TUYỂN BỔ SUNG ĐỢT 1**  
**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HỆ CHÍNH QUY NĂM 2021**  
**CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**

| TT  | SBD    | Họ và tên            | Năm sinh   | Giới tính | Dân tộc  | Nơi sinh | Hộ khẩu thường trú                                    | Tổ hợp | Toán | Văn  | Địa  | Năng khiếu | KV UT | ĐT UT | Điểm ưu tiên | Tổng điểm (thang điểm 30) |
|---|--------|----------------------|------------|-----------|----------|----------|---|--------|------|------|------|------------|-------|-------|--------------|---------------------------|
| <b>I. Xét tuyển theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT</b> |        |                      |            |           |          |          |   |        |      |      |      |            |       |       |              |                           |
| 1   | 361065 | Nguyễn Thị Anh Tú    | 12/07/2003 | Nữ        | Kinh     | Kon Tum  | P. Quang Trung - TP. Kon Tum - Kon Tum                | M07    |      | 5.00 | 6.50 | 9.17       | 01    |       | 0.75         | 23.13                     |
| 2   | 361004 | Y Dang               | 11/12/2003 | Nữ        | Dơ Drá   | Kon Tum  | Kon Rôn - Ngọc Réo - Đăk Hà - Kon Tum                 | M07    |      | 5.75 | 7.75 | 6.83       | 01    | 01    | 2.75         | 23.12                     |
| 3   | 361045 | Y Phuong             | 08/04/2003 | Nữ        | Giơ Lâng | Kon Tum  | Thôn 10 - Đăk Ruông - Kon Rẫy - Kon Tum               | M06    | 6.80 | 6.50 |      | 6.83       | 01    | 01    | 2.75         | 22.97                     |
| 4   | 361028 | Y Lê                 | 10/04/2003 | Nữ        | Dê       | Kon Tum  | Pêng Sal Pêng - Đăk Pét - Đăk Glei - Kon Tum          | M07    |      | 6.25 | 6.25 | 7.17       | 01    | 01    | 2.75         | 22.88                     |
| 5   | 361001 | Y But                | 15/06/2003 | Nữ        | Gia Rai  | Kon Tum  | Làng Chốt - TT. Sa Thầy - Sa Thầy - Kon Tum           | M07    |      | 7.00 | 7.75 | 5.83       | 01    | 01    | 2.75         | 22.56                     |
| 6   | 361006 | Y Diệu               | 04/03/2003 | Nữ        | Xơ Đăng  | Kon Tum  | Đăk Tăng - Kon Plong - Kon Tum                        | M07    |      | 5.50 | 7.25 | 6.83       | 01    | 01    | 2.75         | 22.56                     |
| 7   | 361013 | Y Hạ                 | 01/05/2003 | Nữ        | Dơ Dră   | Kon Tum  | Kon Rôn - Ngọc Réo - Đăk Hà - Kon Tum                 | M07    |      | 6.75 | 6.25 | 6.50       | 01    | 01    | 2.75         | 22.25                     |
| 8   | 361043 | Y Phét               | 01/02/2003 | Nữ        | Dê       | Kon Tum  | Đăk Man - Đăk Glei - Kon Tum                          | M06    | 7.40 | 5.25 |      | 6.50       | 01    | 01    | 2.75         | 21.99                     |
| 9   | 361050 | Y Sui                | 24/06/2003 | Nữ        | Xơ Đăng  | Kon Tum  | Măng Bút - Kon Plong - Kon Tum                        | M06    | 5.80 | 6.50 |      | 6.67       | 01    | 01    | 2.75         | 21.98                     |
| 10  | 361030 | Y Loan               | 25/11/1998 | Nữ        | Châu     | Kon Tum  | Đăk Rê - Mường Hoong - Đăk Glei - Kon Tum             | M06    | 5.60 | 6.25 |      | 6.50       | 01    | 01    | 2.75         | 21.39                     |
| 11  | 361002 | Y Chăm               | 20/06/2003 | Nữ        | Dê       | Kon Tum  | Đăk Nhoong - Đăk Glei - Kon Tum                       | M06    | 6.40 | 5.75 |      | 6.17       | 01    | 01    | 2.75         | 21.12                     |
| 12  | 361015 | Vũ Thị Hạnh          | 11/07/2003 | Nữ        | Kinh     | Kon Tum  | Thôn 2 - Tân Cảnh - Đăk Tô - Kon Tum                  | M07    |      | 5.50 | 6.00 | 7.50       | 01    |       | 0.75         | 20.63                     |
| 13  | 361041 | Y Nước               | 02/05/2003 | Nữ        | Mơ Năm   | Kon Tum  | Măng Cảnh - Kon Plong - Kon Tum                       | M06    | 5.20 | 5.75 |      | 6.33       | 01    | 01    | 2.75         | 20.46                     |
| 14  | 361060 | Y Thuỳ               | 15/12/2003 | Nữ        | Dê       | Kon Tum  | Đăk Book - Đăk Blô - Đăk Glei - Kon Tum               | M06    | 5.60 | 5.25 |      | 6.33       | 01    | 01    | 2.75         | 20.38                     |
| 15  | 361031 | Dương Thị Thanh Mai  | 12/03/2003 | Nữ        | Kinh     | Kon Tum  | TDP 10 - TT. Đăk Hà - Đăk Hà - Kon Tum                | M07    |      | 6.00 | 6.50 | 6.83       | 01    |       | 0.75         | 20.37                     |
| <b>II. Xét tuyển theo phương thức xét điểm học bạ lớp 12</b>      |        |                      |            |           |          |          |   |        |      |      |      |            |       |       |              |                           |
| 1   | 361058 | Nguyễn Anh Thư       | 29/09/2002 | Nữ        | Kinh     | Kon Tum  | Thôn 5 - TT. Sa Thầy - Sa Thầy - Kon Tum              | M07    |      | 7.40 | 8.80 | 7.83       | 01    |       | 0.75         | 24.65                     |
| 2   | 361012 | Y Hà                 | 10/10/2001 | Nữ        | Xê Đăng  | Kon Tum  | Thôn 4 - Đăk Kôi - Kon Rẫy - Kon Tum                  | M06    | 7.90 | 7.10 |      | 7.00       | 01    | 01    | 2.75         | 24.50                     |
| 3   | 361046 | Y Pơ Lin             | 20/01/2002 | Nữ        | Ba Na    | Kon Tum  | Đăk Mút - Đăk Mar - Đăk Hà - Kon Tum                  | M07    |      | 7.30 | 7.70 | 7.00       | 01    | 01    | 2.75         | 24.50                     |
| 4   | 361039 | Y Nguyệt             | 03/12/2003 | Nữ        | Rơ Ngao  | Kon Tum  | Hơ Moong - Sa Thầy - Kon Tum                          | M07    |      | 7.30 | 7.40 | 7.00       | 01    | 01    | 2.75         | 24.28                     |
| 5   | 361048 | Y Quynh              | 18/09/2003 | Nữ        | Gia Rai  | Kon Tum  | Làng Lung - Ya Xiêr - Sa Thầy - Kon Tum               | M07    |      | 7.50 | 7.70 | 6.67       | 01    | 01    | 2.75         | 24.16                     |
| 6   | 361034 | Y Mong               | 30/07/2003 | Nữ        | Dê       | Kon Tum  | Pêng Sal Pêng - Đăk Pét - Đăk Glei - Kon Tum          | M07    |      | 6.90 | 7.80 | 6.83       | 01    | 01    | 2.75         | 24.02                     |
| 7   | 361062 | Hoàng Thị Ngọc Trâm  | 19/04/2003 | Nữ        | Kinh     | Kon Tum  | Thôn 2 - Hà Môn - Đăk Hà - Kon Tum                    | M07    |      | 7.60 | 8.30 | 7.50       | 01    |       | 0.75         | 23.93                     |
| 8   | 361008 | Y Dịu                | 08/09/2003 | Nữ        | Xê Đăng  | Kon Tum  | Đăk Sao - Tu Mơ Rông - Kon Tum                        | M07    |      | 7.80 | 7.00 | 6.67       | 01    | 01    | 2.75         | 23.86                     |
| 9   | 361024 | Nguyễn Thị Thu Hương | 20/11/2003 | Nữ        | Kinh     | Kon Tum  | Bình Đông - Sa Bình - Sa Thầy - Kon Tum               | M07    |      | 7.10 | 8.70 | 7.50       | 01    |       | 0.75         | 23.85                     |
| 10  | 361020 | Y Hoá                | 25/10/1999 | Nữ        | Xê Đăng  | Kon Tum  | Đăk Sao - Tu Mơ Rông - Kon Tum                        | M06    | 7.40 | 6.30 |      | 7.17       | 01    | 01    | 2.75         | 23.78                     |
| 11  | 361051 | Y Sương              | 09/01/2002 | Nữ        | Rơ Ngao  | Kon Tum  | Kon Hơ Ngo Kơ Tu - Vinh Quang - TP. Kon Tum - Kon Tum | M06    | 8.30 | 6.70 |      | 6.50       | 01    | 01    | 2.75         | 23.75                     |
| 12  | 361038 | Y Nguyễn             | 12/08/2003 | Nữ        | Ka Dong  | Kon Tum  | Đăk Ring - Kon Plong - Kon Tum                        | M07    |      | 7.30 | 7.00 | 6.83       | 01    | 01    | 2.75         | 23.72                     |

| TT | SBD    | Họ và tên    |        | Năm sinh   | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh | Hộ khẩu thường trú   | Tổ hợp | Toán | Văn  | Địa  | Năng khiếu | KV UT | ĐT UT | Điểm ưu tiên | Tổng điểm (thang điểm 30) |
|----|--------|--------------|--------|------------|-----------|---------|----------|--|--------|------|------|------|------------|-------|-------|--------------|---------------------------|
| 13 | 361064 | Y Na Ly      | Tris   | 01/05/2001 | Nữ        | Rơ Ngao | Kon Tum  | Kon Klor - P. Thắng Lợi - TP. Kon Tum - Kon Tum              | M07    |      | 6.60 | 8.00 | 6.67       | 01    | 01    | 2.75         | 23.71                     |
| 14 | 361049 | Y            | Sa Ra  | 21/02/1999 | Nữ        | Ba Na   | Kon Tum  | Plei Rơ Hai 1 - P. Lê Lợi - TP. Kon Tum - Kon Tum            | M07    |      | 6.90 | 7.00 | 7.00       | 01    | 01    | 2.75         | 23.68                     |
| 15 | 361059 | Y Như        | Thừa   | 30/06/2003 | Nữ        | Rơ Ngao | Kon Tum  | Thôn 9 - Đăk La - Đăk Hà - Kon Tum                           | M07    |      | 7.40 | 7.50 | 6.50       | 01    | 01    | 2.75         | 23.68                     |
| 16 | 361067 | Nguyễn Thị   | Uyên   | 20/10/2001 | Nữ        | Kinh    | Kon Tum  | Lâm Tùng - Ia Chim - TP. Kon Tum - Kon Tum                   | M07    |      | 7.00 | 7.90 | 7.83       | 01    |       | 0.75         | 23.67                     |
| 17 | 361052 | Y            | Thắm   | 09/09/1999 | Nữ        | Ba Na   | Kon Tum  | Plei Rơ Hai 1 - P. Lê Lợi - TP. Kon Tum - Kon Tum            | M07    |      | 6.70 | 6.40 | 7.33       | 01    | 01    | 2.75         | 23.57                     |
| 18 | 361056 | Y            | Thiệp  | 03/04/2003 | Nữ        | Sơ Rá   | Kon Tum  | Đăk Ui - Đăk Hà - Kon Tum                                    | M07    |      | 7.70 | 7.20 | 6.33       | 01    | 01    | 2.75         | 23.42                     |
| 19 | 361032 | Y            | Mi     | 10/02/2003 | Nữ        | Sơ Rá   | Kon Tum  | Thôn 2 - Ngọc Wang - Đăk Hà - Kon Tum                        | M07    |      | 6.50 | 8.00 | 6.50       | 01    | 01    | 2.75         | 23.38                     |
| 20 | 361009 | Y            | Dung   | 29/09/2003 | Nữ        | Xơ Đăng | Kon Tum  | Đăk Hring - Đăk Hà - Kon Tum                                 | M07    |      | 7.30 | 6.80 | 6.67       | 01    | 01    | 2.75         | 23.33                     |
| 21 | 361040 | Y            | Nhất   | 15/08/2003 | Nữ        | Ka Dong | Kon Tum  | Ngọc Tem - Kon Plong - Kon Tum                               | M07    |      | 7.10 | 7.30 | 6.50       | 01    | 01    | 2.75         | 23.30                     |
| 22 | 361023 | Lê Phan Như  | Hương  | 22/07/2000 | Nữ        | Kinh    | Kon Tum  | Trần Nhật Duật - Tô 2 - P. Duy Tân - TP. Kon Tum - Kon Tum   | M07    |      | 7.30 | 7.90 | 7.33       | 01    |       | 0.75         | 23.15                     |
| 23 | 361047 | Hoàng Thị    | Quyên  | 23/04/1999 | Nữ        | Nùng    | Kon Tum  | Đăk Xuân - Đăk Ngọc - Đăk Hà - Kon Tum                       | M07    |      | 7.20 | 7.10 | 6.33       | 01    | 01    | 2.75         | 22.97                     |
| 24 | 361069 | Y            | Xaoh   | 19/07/2003 | Nữ        | Gia Rai | Kon Tum  | Sa Bình - Sa Thầy - Kon Tum                                  | M07    |      | 6.70 | 6.50 | 6.83       | 01    | 01    | 2.75         | 22.90                     |
| 25 | 361021 | Y            | Hoài   | 18/08/2003 | Nữ        | Dê      | Kon Tum  | Đăk Rơ Nga - Đăk Tô - Kon Tum                                | M07    |      | 6.10 | 7.60 | 6.33       | 01    | 01    | 2.75         | 22.52                     |
| 26 | 361029 | Y            | Lệ     | 12/05/2003 | Nữ        | Sơ Rá   | Kon Tum  | Đăk Ui - Đăk Hà - Kon Tum                                    | M07    |      | 6.90 | 7.00 | 6.17       | 01    | 01    | 2.75         | 22.43                     |
| 27 | 361027 | Y            | Khương | 02/11/2001 | Nữ        | Xê Đăng | Kon Tum  | Văn Xuôi - Tu Mơ Rông - Kon Tum                              | M06    | 6.50 | 7.00 |      | 6.17       | 01    | 01    | 2.75         | 22.13                     |
| 28 | 361035 | Bùi Lâm Thủy | Trâm   | 27/05/1999 | Nữ        | Kinh    | Kon Tum  | 91 Trần Quốc Hoàn - P. Trần Hưng Đạo - TP. Kon Tum - Kon Tum | M06    | 7.60 | 7.20 |      | 6.83       | 01    |       | 0.75         | 22.10                     |
| 29 | 361068 | Y            | Von    | 02/05/2003 | Nữ        | Ca Dong | Kon Tum  | Đăk Nền - Kon Plong - Kon Tum                                | M07    |      | 6.60 | 5.60 | 6.67       | 01    | 01    | 2.75         | 21.91                     |
| 30 | 361053 | Hồ Thị Thu   | Thảo   | 27/05/2003 | Nữ        | Kinh    | Kon Tum  | 97 Lê Lợi - Tô 14 - P. Quyết Thắng - TP. Kon Tum - Kon Tum   | M06    | 7.60 | 6.00 |      | 6.33       | 01    |       | 0.75         | 20.45                     |

Ghi chú: Tổng điểm xét tuyển (thang điểm 30) = (Tổng điểm 3 môn đã nhân hệ số \*3/tổng hệ số 3 môn + Điểm ưu tiên + điểm khuyến khích) làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phẩy.

Danh sách này có 45 thí sinh.

Trong đó:

Xét điểm thi tốt nghiệp THPT: 15 thí sinh.

Xét điểm học bạ lớp 12: 30 thí sinh.